

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/HS-ST

Ngày: 29 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tư và bà Phan Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Phước Yên, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị V; có vợ Nguyễn Thị Hồng Th và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 147/2006/HSST ngày 07/11/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 05 năm về tội "Cướp giật tài sản"; Bản án số 25/2015/HSST ngày 24/4/2013, Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam ngày 07/8/2023; có mặt.

2. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Phước Lộc, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị M; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 07/8/2023; có mặt.

3. Nguyễn Văn S, sinh năm 1994; nơi thường trú: Ấp Bào Bèo, xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh; nơi ở hiện nay: Thôn Phước Yên, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đực Ngh và con bà Nguyễn Thị Th; có vợ Nguyễn Thị Cẩm Th (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Bản án số 03/2017/HSST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt vào ngày 08/8/2018, chưa được xóa án tích; Bản án số 15/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh

Trà Vinh xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 13/02/2021, chưa được xóa án tích; Bản án số 21/2021/HSST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt 22 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 04/02/2023, chưa được xóa án tích; nhân thân: Bản án số 23/2016/HSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/8/2016 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam ngày 09/8/2023; có mặt.

4. Trần Hữu Anh Q, sinh năm 1998; nơi thường trú: Thôn Phước Yên, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu H và bà Nguyễn Thị Lệ B; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 09/8/2023; có mặt.

Bị hại: Ông Lê Minh H, sinh năm 1971; cư trú: Thôn 9, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2023, Nguyễn Minh Tr thuê xe ô tô biển kiểm soát: 93A – 198.78 của Lê Thanh H chở theo Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu Anh Q, Nguyễn Văn S từ huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đến huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông để làm trung gian mua sầu riêng.

Khoảng 02 giờ sáng, ngày 04/8/2023, khi đi về đến xã Nhân Cơ, huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông thì Đ thấy một xe ba gác để ở bãi đất trống, không có người trông coi. Trọng điều khiển lùi xe ô tô lại vào gần sát phía hông, bên trái, cách xe ba gác khoảng 02 mét, sau đó, Q xuống xe, còn Tr, S, Đ ngồi trên xe quan sát để cảnh giới xung quanh. Q đi đến vị trí chiếc xe ba gác, lên xe ba gác để nổ máy và chạy theo Quốc lộ 14 về hướng tỉnh Bình Phước, còn Tr, Đ, S đi phía sau để cảnh giới và soi đèn cho Q điều khiển xe về cất giấu sau vườn nhà Tr.

Đến ngày 09/8/2023, hành vi trộm cắp của Tr, S, Q, Đ bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R’Lấp phát hiện.

Kết luận định giá tài sản số 33/KLĐGTS ngày 12/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đăk R’Lấp kết luận: 01 xe ba bánh, tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 29.250.000 đồng.

Cáo trạng số 63/CT-VKS-ĐL ngày 24 tháng 10 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu Anh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp đối với các bị cáo. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu Anh Q, Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Minh Tr từ 18 tháng đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Hữu Anh Q từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; xử phạt Nguyễn Văn S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Xử lý vật chứng: Chấp nhận Công an huyện Đăk R'Lấp trả 01 xe ba gác cho ông Lê Minh H.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng khác đã tranh tụng tại phiên tòa. Ngày 04/8/2023, Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu Anh Q, Nguyễn Văn S đã lén lút chiếm đoạt của anh Lê Minh H 01 xe ba gác, trị giá 29.250.000 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu Anh Q, Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người dân được pháp luật bảo vệ; các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo thì mới có đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này các bị cáo đều đồng phạm với vai trò gián đơn, hành vi trộm cắp tài sản mang tính bột phát; nên cần phân hóa vai trò để quyết định hình

phạt cho tương xứng. Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Minh Tr có nhân thân xấu nên cần xử phạt mức hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Trần Hữu Anh Q. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ đang tạm giam trong một vụ án khác nên không đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Đối với bị cáo Trần Hữu Anh Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo (Bl 174). Áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hữu Anh Q.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các đương sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 12/9/2023, Công an huyện Đắk R'Lấp trả 01 xe ba gác ông Lê Minh H là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đối với các bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận một phần.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu Anh Q, Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 09 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Tr 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trần Hữu Anh Q 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Hữu Anh Q cho Ủy ban nhân dân xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia

định bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận ngày 12/9/2023, Công an huyện Đăk R'Lập trả 01 xe ba gác cho ông Lê Minh Hoàng.

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu Anh Q, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký